|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**––-– |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
|  |  | --------------------------------------------------- |
| Số: /2020/TT-BTC |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành,**

**giấy phép xuất cảnh, tem AB; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo;**

 **lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**

-------------------------------------------

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.*

**Điều 1. Mức thu, nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB**

Công dân Việt Nam khi làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam cấp các giấy tờ liên quan đến hộ chiếu, thông hành, xuất cảnh, thực hiện nộp phí như sau:

1. Kể từ ngày......tháng.......năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 nộp lệ phí bằng 20% mức thu lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB quy định tại Phần I Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 219/2016/TT-BTC).

Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này, không nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB theo mức quy định tại Phần I Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 219/2016/TT-BTC.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB theo mức quy định tại Phần I Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 219/2016/TT-BTC.

**Điều 2. Mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ**

Cơ quan, tổ chức khi được cơ quan công an có thẩm quyền cấp giấy phép quản lý pháo hoa vào, ra Việt Nam; cấp giấy phép sử dụng, vận chuyển, mua, mang và sửa chữa các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; thực hiện nộp lệ phí như sau:

1. Kể từ ngày......tháng.......năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 nộp lệ phí bằng 20% mức thu lệ phí cấp giấp phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ quy định tại Phần III, Phần IV Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (sau đây gọi là Thông tư số 23/2019/TT-BTC).

Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này, không nộp lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo mức quy định tại Phần III, Phần IV Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy đinh Phần III, Phần IV Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC.

**Điều 3**. **Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Các nội dung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; tổ chức thu phí, lệ phí; các đối tượng được miễn lệ phí;kê khai, nộp phí, lệ phí; quản lý phí, lệ phí; chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí và các nội dung khác liên quan không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 218/2016/TT-BTC và Thông tư số 219/2016/TT-BTC.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **KT. BỘ TRƯỞNG** |
| - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Toà án nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Công báo; - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;- Lưu: VT, CST (CST5). | **THỨ TRƯỞNG** |
| **Vũ Thị Mai** |